

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.1 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Ghi chú	
14184	6.1	1	Trương Ngọc Hà	An	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS	
14196	6.1	2	Nguyễn Quỳnh	Anh	x	7,8	Khá	Tốt		
14213	6.1	3	Phạm Gia	Bảo		8,9	Tốt	Tốt	HSG	BT
14236	6.1	4	Trần Hữu	Cường		9	Tốt	Tốt	HSG	
14217	6.1	5	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	x	8,4	Khá	Tốt		
14239	6.1	6	Bùi Nhật	Duy		9,1	Tốt	Tốt	HSG	BT
14258	6.1	7	Huỳnh Lê Mỹ	Duyên	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG	
14261	6.1	8	Nguyễn Minh	Đăng		8,5	Khá	Tốt		
14280	6.1	9	Trần Ngọc Thiên	Giao	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG	BT
14283	6.1	10	Nguyễn Hoàng	Hà		9,3	Tốt	Tốt	HSXS	BT
14297	6.1	11	Đặng Thiên	Hạo		9	Tốt	Tốt	HSXS	BT
14310	6.1	12	Lê Hoàng Gia	Hân	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG	
14332	6.1	13	Đặng Huỳnh Gia	Hân	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS	
14319	6.1	14	Lê Gia	Hân	x	7,5	Khá	Tốt		BT
14340	6.1	15	Trần Nguyên	Khánh		8,6	Khá	Tốt		BT
14355	6.1	16	Thái Đỗ Đăng	Khôi		8,5	Tốt	Tốt	HSG	BT
14362	6.1	17	Nguyễn	Khuê		9,4	Tốt	Tốt	HSXS	
14399	6.1	18	Đặng Mỹ	Lâm	x	8,1	Khá	Tốt		
14376	6.1	19	Bubaca Nguyễn Trúc	Lâm	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS	
14412	6.1	20	Nguyễn Phương Gia	Long		9,4	Tốt	Tốt	HSXS	
14413	6.1	21	Srisuwan Ban	Mai	x	8,7	Khá	Tốt		
14434	6.1	22	Lê Nguyễn Xuân	Mai	x	9	Tốt	Tốt	HSG	BT
14435	6.1	23	Lại Đăng	Minh		8,8	Tốt	Tốt	HSG	
14456	6.1	24	Nguyễn Huy Quang	Minh		9,5	Tốt	Tốt	HSXS	
14457	6.1	25	Nguyễn Hồng	Ngân	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG	
14477	6.1	26	Nguyễn Vũ Kim	Ngân	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS	BT
14500	6.1	27	Bùi Bảo	Ngọc	x	8	Khá	Tốt		
14478	6.1	28	Hỷ Kiều Bảo	Ngọc	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG	
14499	6.1	29	Lê Đỗ Như	Ngọc	x	7,8	Khá	Tốt		BT
14521	6.1	30	Đặng Nguyễn Kim	Nguyên	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG	
14529	6.1	31	Bùi Bình	Như	x	8,1	Khá	Tốt		BT
14535	6.1	32	Đỗ Ngọc Diễm	Quỳnh	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS	
14523	6.2	33	Mai Minh	Sáng		8,5	Tốt	Tốt	HSG	BT
14552	6.1	34	Lê Xuân	Tài		9	Tốt	Tốt	HSG	
14603	6.1	35	Khru Diệu	Tổ		8,9	Tốt	Tốt	HSG	
14653	6.1	36	Nguyễn Trần Thái	Tú		9,6	Tốt	Tốt	HSXS	
14558	6.1	37	Trần Ngọc Hoàng	Thiên		9,7	Tốt	Tốt	HSXS	BT
14573	6.1	38	Danh Đức	Thiện		9	Tốt	Tốt	HSG	
14580	6.1	39	Kiều Châu Trường	Thịnh		8,7	Tốt	Tốt	HSG	
14594	6.1	40	Lê Khánh	Thy	x	8,6	Khá	Tốt		BT
14616	6.1	41	Nguyễn Tường Bảo	Trân	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG	
14639	6.1	42	Nguyễn Diệp	Trân	x	7,8	Khá	Tốt		
14625	6.1	43	Trang Quỳnh	Trân	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS	
14675	6.1	44	Cà Quốc	Vinh		9,3	Tốt	Tốt	HSXS	BT
14676	6.1	45	Bùi Thị Hà	Vy	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG	BT
14684	6.2	46	Nguyễn Hoàng	Vy	x	9	Tốt	Tốt	HSG	BT
14689	6.1	47	Nguyễn Ngọc Như	Ý	x	8,4	Khá	Tốt		BT
14690	6.1	48	Đoàn Vương Phi	Yến	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS	BT

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.2 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
14202	6.2	1	Huỳnh Dương Quỳnh	Anh	x	6,6	Đạt	Tốt	
14223	6.2	2	Nguyễn Tấn Gia	Bảo		8,5	Tốt	Tốt	
14207	6.2	3	Tổng Gia	Bảo		8,7	Tốt	Tốt	
14230	6.2	4	Đào Thanh	Duy		7,9	Khá	Tốt	
14252	6.2	5	Hồ Phạm Gia	Hân	x	8,3	Khá	Tốt	
14245	6.2	6	Lê Trần Khánh	Hân	x	8	Khá	Tốt	
14271	6.2	7	Nguyễn Gia	Huy		8,6	Tốt	Tốt	
14293	6.2	8	Trần Minh	Hy	x	8,2	Tốt	Tốt	
14314	6.2	9	Trần Nhật	Hy		8	Khá	Tốt	
14337	6.2	10	Bùi Ngọc Thiên	Kim	x	8,6	Tốt	Tốt	
14315	6.2	11	Lý Gia	Khang		8,3	Tốt	Tốt	
14336	6.2	12	Lê Trọng	Khang		6,1	Đạt	Tốt	
14358	6.2	13	Phan Ngọc Như	Liên	x	9,4	Tốt	Tốt	
14359	6.2	14	Phạm Huy	Long		7,2	Khá	Tốt	
14377	6.2	15	Lường Lệ	Mẫn	x	7,7	Khá	Tốt	
14381	6.2	16	Lý Quang	Minh		8,5	Tốt	Tốt	
14403	6.2	17	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	x	9	Tốt	Tốt	
14400	6.2	18	Trần Ngọc Kim	Ngân	x	8,8	Tốt	Tốt	
14422	6.2	19	Mai Trọng	Nghĩa		7,3	Khá	Tốt	
14425	6.2	20	Hồ Hữu	Nhân		7,4	Khá	Tốt	
14443	6.2	21	Tổng Bảo	Nhi	x	8,7	Tốt	Tốt	
14448	6.2	22	Phạm Ngọc Thanh	Nhi	x	7	Khá	Tốt	
14465	6.2	23	Trịnh Thiên	Phát		7,3	Khá	Tốt	
14470	6.2	24	Thái Ngọc	Phi		6,2	Đạt	Tốt	
14481	6.2	25	Trần Ngọc	Phú		8,2	Tốt	Tốt	
14497	6.2	26	Trần Hoàng	Quân		7,3	Khá	Tốt	
14502	6.2	27	Đặng Minh	Quân		7,3	Khá	Tốt	
14519	6.2	28	Đoàn Minh	Quân		8,8	Tốt	Tốt	
14541	6.2	29	Hồ Thị Diệu	Tâm	x	7,5	Khá	Tốt	
14642	6.2	30	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	x	8,9	Tốt	Tốt	
14546	6.2	31	Dương Đăng	Thiện		7,4	Khá	Tốt	
14569	6.2	32	Quách Hữu	Thịnh		8,2	Tốt	Tốt	
14584	6.2	33	Phạm Nguyên Anh	Thư	x	8,3	Tốt	Tốt	
14599	6.2	34	Bùi Ngọc Thảo	Trang	x	9,1	Tốt	Tốt	
14620	6.2	35	Lương Hoàng	Trọng		8,5	Tốt	Tốt	
14621	6.2	36	Phan Nguyễn Thủy	Trúc	x	8	Khá	Tốt	
14643	6.2	37	Đặng Đàm Thái	Vân	x	8	Khá	Tốt	
14665	6.2	38	Vũ Hồng Lê	Vy	x	8,7	Tốt	Tốt	
14685	6.2	39	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	x	8,1	Khá	Tốt	
14691	6.2	40	Trần Nhật	Yến	x	8,8	Tốt	Tốt	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.3 - NĂM HỌC 2024 - 2025 (Lớp bán trú)



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạng kiểm	Ghi chú
14199	6.9	1	Huỳnh Lê Khánh	An		6,9	Đạt	Tốt	
14210	6.9	2	Phan Trần Phương	Anh	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
14198	6.5	3	Nguyễn Lâm Chí	Anh		8,2	Khá	Tốt	PH xin chuyển qua BT
14233	6.9	4	Nguyễn Hoàng	Đức		7,8	Khá	Tốt	
14242	6.9	5	Phạm Gia	Hân	x	7,6	Khá	Tốt	
14307	6.9	6	Cao Thế	Kiệt		7,8	Khá	Tốt	
14188	6.9	7	Nguyễn Hoàng	Khải		7,9	Khá	Tốt	
14277	6.9	8	Huỳnh Gia	Khang		8,4	Khá	Tốt	
14264	6.9	9	Hồ Tấn	Khang		7,8	Khá	Tốt	
14306	6.10	10	Lê Hoàng	Khang		7,2	Khá	Tốt	PH xin chuyển qua BT
14286	6.9	11	Trang Sĩ Quốc	Khánh		7,5	Khá	Tốt	
14301	6.9	12	Nguyễn Đăng	Khoa		9,1	Tốt	Tốt	HSG
14328	6.9	13	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
14344	6.9	14	Bùi Mạnh	Long		7	Khá	Tốt	
14352	6.9	15	Trần Ngọc	Mỹ	x	7,3	Khá	Tốt	
14373	6.9	16	Trần Gia	Nguyên		7,9	Khá	Tốt	
14364	6.9	17	Hồ Quốc	Nguyên		7,9	Khá	Tốt	
14688	6.10	18	Tất Thúy	Nhi	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
14397	6.9	19	Trần Minh	Nhựt		8,5	Tốt	Tốt	HSG
14406	6.9	20	Lê Thanh	Phong		7,5	Khá	Tốt	
14419	6.9	21	Trần Duy	Phú		6,8	Đạt	Tốt	
14428	6.9	22	Đoàn Nguyễn Thiên	Phúc		6,9	Khá	Tốt	
14551	6.10	23	Phan Lê Hoàng	Phúc		8,9	Tốt	Tốt	HSG
14440	6.9	24	Dương Minh	Phụng	x	8,1	Khá	Tốt	
14451	6.9	25	Trần Mỹ	Phụng	x	6,7	Khá	Tốt	
15719	6.9	26	Huỳnh Thiên	Phụng	x	8,2	Tốt	Tốt	HSG
14462	6.9	27	Nguyễn Đình Minh	Quân		7,7	Khá	Tốt	
14473	6.9	28	Lý Thảo	Quyên	x	6,7	Đạt	Tốt	
		29	Trần Khánh	Quyên	x				HS chuyển đến 24-25
14494	6.9	30	Vòng Kỹ	Tài		5,8	Đạt	Tốt	
14484	6.9	31	Nguyễn Tấn	Tài		6	Đạt	Tốt	
14618	6.9	32	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
14623	6.9	33	Quan Bùi Duy	Toàn		8,3	Khá	Tốt	
14517	6.9	34	Cao Thiên	Thanh	x	7,9	Khá	Tốt	
14524	6.9	35	Lâm Phú	Thành		6,8	Đạt	Tốt	
14540	6.9	36	Phạm Ngọc	Thảo	x	6,7	Đạt	Tốt	
14547	6.9	37	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	x	6	Đạt	Tốt	
14509	6.4	38	Đàm Phương	Thảo	x	6,2	Đạt	Tốt	
14556	6.9	39	Trần Phan Minh	Thiên		6,1	Đạt	Khá	
14575	6.9	40	Huỳnh Trần Anh	Thơ	x	6,7	Khá	Tốt	
14578	6.9	41	Nguyễn Đình	Thuận		8,2	Khá	Tốt	
14596	6.9	42	Trần Lê Phương	Thùy	x	6,9	Khá	Tốt	
14601	6.9	43	Phạm Ngọc	Thủy	x	6,2	Đạt	Tốt	
14640	6.9	44	Vương Bảo	Trân	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
14644	6.9	45	Trần Lâm	Triều		8,2	Tốt	Tốt	HSG
14666	6.9	46	Nguyễn Thị Hà	Vy	x	8,3	Khá	Tốt	
14683	6.9	47	Mai Nguyễn Khánh	Vy	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
14686	6.9	48	Dương Huỳnh	Xuân	x	8,2	Tốt	Tốt	HSG

240824

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.4 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú	
14191	6.10	1	Phạm Gia	Bảo		8,9	Tốt	Tốt	HSG	
14195	6.10	2	Hoàng Minh	Châu	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG	
14214	6.10	3	Bạch Trung	Dũng		6,9	Đạt	Tốt		
14225	6.10	4	Nguyễn Tuấn	Đạt		6,1	Đạt	Tốt		
14228	6.10	5	Trương Tấn	Đạt		8,8	Tốt	Tốt	HSG	
14247	6.10	6	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	x	5,7	Đạt	Tốt		
14250	6.10	7	Dương Gia	Hân	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG	
14268	6.10	8	Nguyễn Minh	Hiển		7,3	Khá	Tốt		
14273	6.10	9	Lê Trung	Hiếu		7,2	Khá	Tốt		
14296	6.10	10	Vũ Sinh	Hùng		7,8	Khá	Tốt		
14311	6.10	11	Phùng Quốc	Huy		5,8	Đạt	Tốt		
14333	6.10	12	Đỗ Thiên	Kim	x	7,3	Đạt	Tốt		
14318	6.10	13	Nguyễn Thái	Khang		7,9	Khá	Tốt		
14316	6.10	14	Nguyễn Đăng	Khoa		7,3	Khá	Tốt		
14347	6.10	15	Võ Ngọc Nhã	Lam	x	8,2	Khá	Tốt		
14368	6.10	16	Bùi Hoàng	Long		8,4	Tốt	Tốt	HSG	
14369	6.10	17	Nguyễn Hoàng	Long		9	Tốt	Tốt	HSG	
14391	6.10	18	Sỹ Tiểu	Long		7,3	Khá	Tốt		
14348	6.10	19	Trần Thanh	Long		8,7	Tốt	Tốt	HSG	
14414	6.10	20	Lê Công	Mẫn		8,5	Tốt	Tốt	HSG	
		21	Kha Tiểu	My						CT 24-25
14433	6.10	22	Võ Gia	Minh		8,1	Khá	Tốt		
14436	6.10	23	Bùi Hữu Hải	Nam		7,3	Khá	Tốt		
14455	6.10	24	Phạm Bảo	Nam		8,5	Tốt	Tốt	HSG	
14471	6.10	25	Trần Bảo	Ngọc	x	7,6	Khá	Tốt		
14486	6.10	26	Nguyễn Trường	Nguyên		7,2	Khá	Tốt		
14491	6.10	27	Phạm Bùi Thanh	Nhã	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG	
14507	6.10	28	Nguyễn Đoàn Trung	Nhân		7,5	Khá	Tốt		
14528	6.10	29	Huỳnh Trương Bảo	Nhi	x	7,3	Khá	Tốt		
14514	6.10	30	Huỳnh Tuyết	Nhi	x	6,9	Đạt	Tốt		
14536	6.10	31	Trần Trường	Phát		7	Khá	Tốt		
14559	6.10	32	Nguyễn Trúc	Quỳnh	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS	
14572	6.10	33	Bùi Lê Duy	Tân		6,4	Đạt	Tốt		
14611	6.10	34	Trương Ngọc	Tiên	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS	
14631	6.10	35	Trương Phúc	Toàn		7,2	Khá	Tốt		
14581	6.10	36	Lý Hồng	Thiên		7,1	Khá	Tốt		
14589	6.10	37	Châu Lê Phước	Thọ	x	8	Khá	Tốt		
14608	6.10	38	Phạm Minh	Thư	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG	
	6.10	39	Lợi Cẩm	Tiên	x					CT 24-25
14674	6.10	40	Diệp Ý	Vy	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS	
14648	6.10	41	Dương Thị Thảo	Vy	x	8,1	Tốt	Tốt	HSG	
14655	6.10	42	Đoàn Ngọc Yến	Vy	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG	
14677	6.10	43	Lý Như	Ý	x	7,2	Khá	Tốt		

Bình Tân, ngày 09 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

240824

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.5 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	SFT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạng kiểm	Ghi chú
14193	6.3	1	Trương Ngọc Thái	An	x	7,5	Khá	Tốt	
14220	6.9	2	Huỳnh Phương	Anh	x	7	Đạt	Tốt	
14194	6.3	3	Trương Gia	Bảo		7	Khá	Tốt	
14215	6.3	4	Cao Ngọc Bảo	Châu	x	8	Khá	Tốt	
14216	6.3	5	Lê Cao Ngọc	Diệp	x	8,9	Tốt	Tốt	HSXS
14237	6.3	6	Mai Như Anh	Đào	x	8,4	Khá	Tốt	
14238	6.3	7	Phạm Đăng Khánh	Hà	x	7,1	Đạt	Tốt	
14259	6.3	8	Nguyễn Nhật	Hào		6	Đạt	Khá	
15727	6.3	9	Hà Thụy Như	Hoài	x	6,7	Đạt	Tốt	
14282	6.3	10	Trần Minh	Huy		7,3	Khá	Tốt	
14295	6.3	11	Đỗ Bảo	Khải		8,4	Tốt	Tốt	HSG
14312	6.3	12	Nguyễn Anh	Khoa		6,2	Đạt	Tốt	
14317	6.3	13	Lê Nguyễn Thùy	Lâm	x	6,8	Đạt	Tốt	
14334	6.3	14	Xin Phụng	Linh	x	6,9	Đạt	Tốt	
14339	6.3	15	Nguyễn Thành	Long		7,5	Khá	Tốt	
14421	6.6	16	Nguyễn Minh	Luân		6,5	Đạt	Tốt	
14356	6.3	17	Phan Thị Thúy	Mai	x	7,8	Khá	Tốt	
14361	6.3	18	Huỳnh Minh Thảo	Ngân	x	6	Đạt	Tốt	
15715	6.3	19	Phan Nguyễn Quỳnh Gia	Nghi	x	7,8	Khá	Tốt	
14380	6.3	20	Võ Phạm Bảo	Ngọc	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
14378	6.3	21	Tôn Thanh	Ngọc	x	7,2	Đạt	Tốt	
14401	6.3	22	Trương Lê	Nguyên		6,3	Đạt	Tốt	
14402	6.3	23	Thạch Trí	Nguyễn		7,4	Khá	Tốt	
14416	6.3	24	Hoàng Trí	Nhân		8,1	Khá	Tốt	
14431	6.3	25	Trần Khánh	Nhi	x	6	Đạt	Khá	
14445	6.3	26	Ngô Lê Quỳnh	Như	x	8,2	Tốt	Tốt	HSG
14446	6.3	27	Nguyễn Lý Hoàng	Phi		7	Khá	Tốt	
14468	6.3	28	Lê Hoàng	Phong		7,1	Đạt	Tốt	
14467	6.3	29	Lê Nam	Phong		7,6	Khá	Tốt	
14488	6.3	30	Trần	Quang		6,4	Đạt	Tốt	
14619	6.3	31	Bành Chí	Toàn		6,7	Đạt	Tốt	
14597	6.3	32	Nguyễn Hữu	Toàn		5,7	Đạt	Tốt	
14600	6.3	33	Hứa Nhật	Toàn		8,3	Tốt	Tốt	HSG
14489	6.3	34	Trương Lê	Thái		6,7	Đạt	Tốt	
14510	6.3	35	Đoàn Nhật Đông	Thanh	x	7,6	Khá	Tốt	
14511	6.3	36	Phạm Thu	Thảo	x	7,9	Khá	Tốt	
14532	6.3	37	Đặng Thanh	Thế		8,3	Khá	Tốt	
14533	6.3	38	Nguyễn Ngọc Anh	Thơ	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
14554	6.3	39	Nguyễn Hoàng	Thuận		6,5	Đạt	Tốt	
14555	6.3	40	Lư Bảo	Thư	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
14577	6.3	41	Nguyễn Nhật	Thy	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
14622	6.3	42	Nguyễn Thùy	Trang	x	7,8	Khá	Tốt	
14662	6.3	43	Nguyễn Trương Ngọc	Vy	x	6,4	Đạt	Tốt	
14682	6.3	44	Nguyễn Lê Thảo	Vy	x	7,9	Khá	Tốt	
14667	6.3	45	Lê Triệu	Vy	x	7,7	Khá	Tốt	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.6 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú	
14183	6.4	1	Trần Mai Kim	Ánh	x	6,8	Đạt	Tốt		
14204	6.4	2	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo		7,2	Khá	Tốt		
14205	6.4	3	Nguyễn Thành	Cường		6,4	Đạt	Tốt		
8149	6.4	4	Hoàng	Danh	x	6,3	Đạt	Tốt		
14226	6.4	5	Nguyễn Phương	Duy		6,1	Đạt	Tốt		
14227	6.4	6	Nguyễn Hữu Thành	Đạt		7,5	Khá	Tốt		
14249	6.4	7	Đinh Nguyễn Khánh	Hà	x	7,5	Khá	Tốt		
14248	6.4	8	Thái Yên	Hà	x	8	Khá	Tốt		
14269	6.4	9	Trần Anh	Hào		6,9	Khá	Tốt		
14272	6.4	10	Trần Gia	Hân	x	7,6	Khá	Tốt		
14294	6.4	11	Lâm Bảo	Khang		7,9	Khá	Tốt		
14291	6.4	12	Kiều Phước	Khang		5,8	Đạt	Tốt		
14313	6.4	13	Trương Hùng	Khoa		8,2	Khá	Tốt		
14335	6.4	14	Tân Mỹ	Linh	x	8,1	Tốt	Tốt	HSG	
15712	6.4	15	Quách Thùy	Linh	x	6,7	Khá	Tốt		
14338	6.4	16	Quan Gia	Long		7,1	Đạt	Tốt		
		17	Chế Nhật	Minh					HS chuyển đến 24-25	
14357	6.4	18	Nguyễn Thị Hà	My	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG	
14360	6.4	19	Trần Gia	Nghi	x	8,1	Khá	Tốt		
14379	6.4	20	Lê Hồng	Ngọc	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG	
14385	6.4	21	Nguyễn Thành	Nhân		8,2	Khá	Tốt		
14396	6.4	22	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG	
14418	6.4	23	Kha Hạo	Nhiên		6,8	Đạt	Tốt		
14429	6.4	24	Phan Tấn	Phát		5,7	Đạt	Tốt		
15716	6.4	25	Hà Thịnh	Phát		6,1	Đạt	Tốt		
14439	6.4	26	Bùi Gia	Phúc		7,4	Khá	Tốt		
14452	6.4	27	Nguyễn Như	Quỳnh	x	7,2	Khá	Tốt		
14474	6.4	28	Đỗ Trọng	Sang		7,1	Khá	Tốt		
14483	6.4	29	Hà Hải	Sơn		8,8	Tốt	Tốt	HSG	
		30	Nguyễn Văn Minh	Tâm					Học lại	
14495	6.4	31	Huỳnh Văn	Tài		7,3	Khá	Tốt		
14602	6.4	32	Nguyễn Trúc	Tiên	x	7,4	Khá	Tốt		
14638	6.4	33	Vũ Thanh	Tú		9,3	Tốt	Tốt	HSXS	
14647	6.4	34	Nguyễn Gia	Tường		8,9	Tốt	Tốt	HSG	
14512	6.4	35	Nguyễn Thị Phương	Thảo	x	7,9	Khá	Tốt		
14531	6.4	36	Lý Thị Thu	Thảo	x	6,4	Đạt	Tốt		
14534	6.4	37	Phạm Quốc	Thắng		7,2	Khá	Tốt		
14553	6.4	38	Kha Hạo	Thiên		7	Khá	Tốt		
14557	6.4	39	Nguyễn Văn	Thìn		7,3	Khá	Tốt		
14574	6.4	40	Phùng Văn	Thọ		6,8	Đạt	Tốt		
14579	6.4	41	Trương Đoàn Diễm	Thư	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG	
14617	6.4	42	Võ Ngọc Thùy	Trâm	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS	
14624	6.4	43	Trần Võ Minh	Trí		8,1	Khá	Tốt		
14587	6.6	44	Đào Uyên	Trinh	x	5,8	Đạt	Tốt		
14660	6.4	45	Phương Hồng Tuyết	Vy	x	8,3	Tốt	Tốt	HSG	
14669	6.4	46	Lê Thị Ngọc	Yên	x	8,6	Tốt	0,8	Tốt	HSG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.7 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
14219	6.5	1	Nguyễn Đông	Anh	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
14234	6.5	2	Thái Mỹ	Anh	x	8,2	Khá	Tốt	
14211	6.5	3	Lý Vân	Anh	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
14241	6.5	4	Lê Hoàng	Ân		6,3	Đạt	Tốt	
14265	6.5	5	Ngô Bảo	Châu	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
14255	6.5	6	Dương Ngọc Quỳnh	Châu	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
14276	6.5	7	Huỳnh Quốc Minh	Dũng		8,6	Tốt	Tốt	HSG
14287	6.5	8	Nguyễn Minh	Đạt		7	Đạt	Tốt	
14300	6.5	9	Vương Hồng	Gám	x	5,9	Đạt	Tốt	
		10	Hồ Hoàng	Huy					Học lại
14308	6.5	11	Trần Gia	Huy		5,8	Đạt	Khá	
14321	6.5	12	Lê Nhật Quốc	Huy		8,8	Tốt	Tốt	HSG
14329	6.5	13	Lê Gia	Hưng		8,7	Tốt	Tốt	HSG
14322	6.9	14	Trần Nguyễn Thiên	Kim	x	7,6	Khá	Tốt	
14343	6.5	15	Huỳnh Duy	Khang		6,8	Khá	Tốt	
14353	6.5	16	Bùi Nguyễn Thanh	Liêm		7,8	Khá	Tốt	
14363	6.5	17	Dương Võ Thiên	Long		6	Đạt	Tốt	
14374	6.5	18	Lý Kim	Mẫn	x	8,2	Khá	Tốt	
14386	6.5	19	Võ Thanh	Ngân	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
14395	6.5	20	Nguyễn Xuân	Nghi	x	7,9	Khá	Tốt	
14408	6.5	21	Trần Thái	Nghĩa		7,4	Khá	Tốt	
14417	6.5	22	Trần Minh	Ngọc	x	8,3	Khá	Tốt	
14430	6.5	23	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	x	6,8	Đạt	Tốt	
14680	6.5	24	Nim Ngọc	Nguyên	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
15724	6.5	25	Vũ Thu	Nguyệt	x	5,7	Đạt	Tốt	
14453	6.5	26	Trần Hạo	Nhiên		6,3	Đạt	Tốt	
14460	6.5	27	Huỳnh Ngọc	Như	x	8,3	Tốt	Tốt	HSG
14475	6.5	28	Phạm Nguyễn Hoàng	Phương	x	8,3	Tốt	Tốt	HSG
14482	6.5	29	Ngô Trác	Phương	x	8,2	Khá	Tốt	
14496	6.5	30	Lê Thị Lệ	Quyên	x	9	Tốt	Tốt	HSG
14503	6.5	31	Võ Tấn	Tài		7,5	Khá	Tốt	
14518	6.5	32	Trần Văn	Tâm		7,1	Khá	Tốt	
14582	6.5	33	Vi Kiên	Tiến		6,5	Đạt	Tốt	
14637	6.5	34	Sơn Ngọc Phương	Tuyền	x	7,4	Khá	Tốt	
14641	6.3	35	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Tuyền	x	6,6	Đạt	Tốt	
14504	6.5	36	Bùi Quốc	Thái		7,3	Khá	Tốt	
14527	6.5	37	Lê Hoàng	Thiện		7,5	Khá	Tốt	
14537	6.5	38	Nguyễn Minh	Thịnh		6,9	Khá	Tốt	
14550	6.5	39	Nguyễn Quốc	Thịnh		7,1	Khá	Tốt	
14560	6.5	40	Cao Nam	Thủy		6,7	Đạt	Tốt	
14571	6.5	41	Trương Anh	Thư	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
14593	6.5	42	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	x	6,7	Đạt	Tốt	
14604	6.5	43	Đoàn Bảo	Trân	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
14615	6.5	44	Võ Thị Ngọc	Trinh	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
14652	6.5	45	Ngô Văn	Vinh		7,2	Đạt	Tốt	
14659	6.5	46	Giang Hạ	Vy	x	7,2	Khá	Tốt	
14670	6.5	47	Tạ Thị Như	Ý	x	7,4	Khá	Tốt	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.8 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hành kiểm	Ghi chú
14190	6.6	1	Lê Ngọc Phương	Anh	x	7,7	Khá	Tốt	
14197	6.6	2	Lê Gia	Bảo		8,6	Tốt	Tốt	HSG
14218	6.6	3	Phạm Nguyễn Gia	Bảo		7,9	Khá	Tốt	
14212	6.6	4	Nguyễn Quốc Gia	Bảo		5,8	Đạt	Tốt	
14235	6.6	5	Nguyễn Hoàng Ngọc	Đáng	x	7,7	Khá	Tốt	
14240	6.6	6	Nguyễn Gia	Định		5,8	Đạt	Tốt	
14257	6.6	7	Phan Văn	Hào		7,5	Khá	Tốt	
14263	6.6	8	Huỳnh Gia	Hân	x	7,2	Khá	Tốt	
14278	6.6	9	Phan Khánh	Hoàng		7,2	Khá	Tốt	
14285	6.6	10	Hàng Nguyễn Quốc	Huy		7	Khá	Tốt	
		11	Nguyễn Quang	Huy					HS chuyển đến 24-25
14330	6.6	12	Lê Huỳnh Bảo	Kim	x	8,3	Tốt	Tốt	HSG
14323	6.6	13	Đặng Thiên	Kim	x	6,8	Đạt	Tốt	
14342	6.6	14	Triệu Cao	Kỳ		7,7	Khá	Tốt	
14302	6.6	15	Lê Ngọc	Khang		7	Đạt	Tốt	
14354	6.6	16	Lê Thị Thùy	Linh	x	8,2	Khá	Tốt	
8310	6.6	17	Võ Thị Yến	Linh	x	6,3	Đạt	Tốt	
14375	6.6	18	Nguyễn Bảo	Long		8,7	Tốt	Tốt	HSG
14398	6.6	19	Nguyễn Phúc	Long		8,6	Tốt	Tốt	HSG
14383	6.6	20	Nguyễn Vương	Long		7,5	Khá	Tốt	
14404	6.6	21	Đỗ Thiên	Lộc		7,3	Khá	Tốt	
14442	6.6	22	Trần Bảo	Ngân	x	7,7	Khá	Tốt	
14449	6.6	23	Nguyễn Chí	Nguyễn		7,4	Khá	Tốt	
14384	6.9	24	Võ Phạm Thành	Nhân		8,8	Tốt	Tốt	HSG
14464	6.6	25	Nguyễn Cao Bảo	Như	x	8,1	Khá	Tốt	
14472	6.6	26	Nguyễn Hoàng	Phi		6,1	Đạt	Tốt	
14479	6.6	27	Ưng Gia	Phú		7,6	Khá	Tốt	
14498	6.6	28	Đỗ Thiên	Phước		7,5	Khá	Tốt	
14501	6.6	29	Trịnh Minh	Quân		8,8	Tốt	Tốt	HSG
14520	6.6	30	Trần Ngọc Kim	Quyên	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
14522	6.6	31	Nguyễn Như	Quỳnh	x	6,9	Đạt	Tốt	
14544	6.6	32	Lộc Quang	Tiến		6,6	Đạt	Tốt	
14588	6.6	33	Lê Trần Anh	Tuấn		8,1	Khá	Tốt	
14609	6.6	34	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8475	7.8	35	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	x	5,5	Chưa Đạt	Khá	LB
14566	6.6	36	Trương Ngọc Bảo	Trân	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
14565	6.6	37	Nguyễn Việt Bảo	Trân	x	7,9	Khá	Tốt	
14632	6.6	38	Nguyễn Hải	Trí		6	Đạt	Tốt	
14636	6.6	39	Nguyễn Ngọc	Uyên	x	6,7	Đạt	Tốt	
14610	6.6	40	Huỳnh Ngọc Phương	Uyên	x	8,3	Khá	Tốt	
14627	6.6	41	Tạ Nguyễn Thúy	Uyên	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
14649	6.6	42	Lục Chi	Uyển	x	8	Khá	Tốt	
14658	6.6	43	Nguyễn Thị Hà	Vy	x	8,2	Khá	Tốt	
14671	6.6	44	Phan Nữ Kiều	Vy	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
14679	6.6	45	Đặng Phương	Vy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
14687	6.6	46	Lê Yến Tường	Vy	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7.9 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
14187	6.7	1	Bùi Văn	An		7,5	Khá	Tốt	
14200	6.7	2	Nguyễn Đăng Tuấn	Anh		7,3	Khá	Tốt	
14209	6.7	3	Nguyễn Thiên	Ân		9,2	Tốt	Tốt	HSG
14232	6.7	4	Nguyễn Anh Ngọc	Bửu	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
14243	6.7	5	Phạm Minh Bảo	Châu	x	7,8	Khá	Tốt	
14254	6.7	6	Trần Minh	Duy		7,2	Khá	Tốt	
14262	6.7	7	Đoàn Nguyễn Gia	Hân	x	7,2	Khá	Tốt	
14279	6.7	8	Lâm Thái	Hòa		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
14284	6.7	9	Lâm Nguyễn Gia	Hoàng		6,8	Đạt	Tốt	
14303	6.7	10	Phạm Gia	Huy		7,3	Khá	Tốt	
14304	6.7	11	Nguyễn Trung	Kiên		8,9	Tốt	Tốt	HSG
14325	6.7	12	Sú Tuấn	Kiệt		7,3	Khá	Tốt	
14326	6.7	13	Lê Kim	Linh	x	8,1	Khá	Tốt	
14346	6.7	14	Nguyễn Lê Phi	Long		6,7	Đạt	Tốt	
14390	6.7	15	Nguyễn Phi	Long		7,7	Khá	Tốt	
14349	6.7	16	Bùi Hải	Nam		8,7	Tốt	Tốt	HSG
14367	6.7	17	Đàm Bảo	Nghi	x	8,3	Tốt	Tốt	HSG
14370	6.7	18	Nguyễn Diệp Dung	Nhi	x	7,3	Khá	Tốt	
14389	6.7	19	Cao Kiều	Như	x	7,4	Khá	Tốt	
14392	6.7	20	Châu Ngọc	Như	x	6,4	Đạt	Tốt	
14405	6.7	21	Ôn Kim	Phụng	x	8,1	Khá	Tốt	
14420	6.7	22	Nguyễn Nhã	Phương	x	7,1	Khá	Tốt	
14427	6.7	23	Bế Chí	Quân		8,3	Tốt	Tốt	HSG
14441	6.7	24	Phạm Phú	Quý		7,6	Khá	Tốt	
14568	6.7	25	Tạ Anh	Tú		7,5	Khá	Tốt	
14585	6.7	26	Lâu Hữu	Tường		7	Khá	Tốt	
14450	6.7	27	Du Bá	Thành		5,8	Đạt	Khá	
14463	6.7	28	Nguyễn Dương Tiên	Thành		7,7	Khá	Tốt	
14485	6.7	29	Nguyễn Ngọc An	Thi	x	6,9	Đạt	Tốt	
14492	6.7	30	Phan Trần Hưng	Thịnh		8,6	Tốt	Tốt	HSG
14506	6.7	31	Hoàng Minh	Thông		6,2	Đạt	Tốt	
14526	6.7	32	Hứa Anh	Thư	x	7,7	Khá	Tốt	
14515	6.7	33	Hoàng Minh	Thư	x	7,6	Khá	Tốt	
14538	6.7	34	Đào Thị Quế	Trâm	x	7,3	Khá	Tốt	
14549	6.7	35	Lê Bảo	Trân	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
14563	6.7	36	Nguyễn Phương	Trinh	x	8,2	Khá	Tốt	
14591	6.7	37	Lê Tiên Tôn	Văn		8,8	Tốt	Tốt	HSG
14606	6.7	38	Nguyễn Quốc	Việt		8,1	Khá	Tốt	
14613	6.7	39	Trần Thị Phương	Vy	x	6,2	Đạt	Tốt	
14634	6.7	40	Nguyễn Trần Kim	Xuân	x	8	Khá	Tốt	
14629	6.7	41	Nguyễn Trần Ngọc	Xuân	x	7,7	Khá	Tốt	
14651	6.7	42	Nguyễn Như	Ý	x	6,2	Đạt	Tốt	
14673	6.7	43	Trương Hoàng Hải	Yến	x	5,8	Đạt	Tốt	
14678	6.7	44	Phạm Thị Hải	Yến	x	7,4	Đạt	Tốt	
14656	6.7	45	Vòng Xuân	Yến	x	7,2	Khá	Tốt	

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
14189	6.8	1	Nguyễn Đăng Phước	An		8,3	Khá	Tốt	
14208	6.8	2	Đặng Lan	Anh	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
14201	6.8	3	Trương Quốc	Anh		8,1	Khá	Tốt	
14222	6.8	4	Đỗ Nguyễn Trâm	Anh	x	8	Khá	Tốt	
14229	6.11	5	Nguyễn Thanh	Bình		6	Đạt	Khá	
14231	6.8	6	Vương Cẩm	Chương		6,6	Đạt	Tốt	
14244	6.8	7	Lê Huỳnh Bảo	Hân	x	7,8	Khá	Tốt	
14266	6.8	8	Nguyễn Long	Hậu		5,5	Đạt	Tốt	
14253	6.8	9	Thạch	Hậu		8,4	Khá	Tốt	
14275	6.8	10	Nguyễn Phong	Hòa		7,1	Khá	Tốt	
14299	6.8	11	Trần Hoàng	Huy		6,9	Khá	Tốt	
14309	6.8	12	Trần Quang	Huy		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
14320	6.8	13	Chanh Ngô Chấn	Kiệt		7	Khá	Tốt	
14331	6.8	14	Huỳnh Tuấn	Kiệt		7,7	Khá	Tốt	
14341	6.8	15	Hoàng Gia	Kỳ	x	7	Đạt	Tốt	
14351	6.8	16	Bùi Khánh	Linh	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
14387	6.8	17	Lê Hoàng	Long		6,7	Khá	Tốt	
14365	6.8	18	Lư Hoàng	Long		6,2	Đạt	Tốt	
14372	6.8	19	Nguyễn Kim	Long		9	Tốt	Tốt	HSG
14394	6.8	20	Từ Cẩm	Minh		7,3	Khá	Tốt	
14476	6.8	21	Nguyễn Văn Chơn	Niệm		6,5	Đạt	Tốt	
14409	6.8	22	Trịnh Gia	Nghi	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
14415	6.8	23	Trần Phương	Nghi	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
14432	6.8	24	Huỳnh Thanh Phương	Nhã	x	7,9	Khá	Tốt	
14437	6.8	25	Đặng Minh	Nhật		6,6	Đạt	Tốt	
14454	6.8	26	Trần Tâm	Nhi	x	7,9	Khá	Tốt	
14459	6.8	27	Diệp Thị Tuyết	Nhi	x	7,6	Khá	Tốt	
		28	Lê Hoàng	Phúc					HS chuyển đến 24-25
14480	6.8	29	Ngô Kim	Phụng	x	9	Tốt	Tốt	HSG
14505	6.8	30	Trần Hoàng	Phước		8,7	Tốt	Tốt	HSG
14493	6.8	31	Nguyễn Long	Phước		5,4	Đạt	Tốt	
8394	7.8	32	Lê Thanh	Quý		5,8	Chưa Đạt	Đạt	LB
14516	6.8	33	Đỗ Tú	Quyên	x	7,9	Khá	Tốt	
14583	6.8	34	Nguyễn Việt	Tiến		8	Khá	Tốt	
14525	6.8	35	Nguyễn Nhật	Thanh		6,5	Đạt	Tốt	
14539	6.8	36	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
14548	6.8	37	Trương Ngọc Anh	Thư	x	7,9	Khá	Tốt	
14561	6.8	38	Đàm Xuân	Thy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
14192	6.8	39	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	x	6,8	Đạt	Tốt	
14605	6.8	40	Bùi Quang Minh	Trí		8,7	Tốt	Tốt	HSG
14614	6.8	41	Nguyễn Nhật	Vinh		8,2	Khá	Tốt	
14628	6.8	42	Lữ Thanh	Vương		8,8	Tốt	Tốt	HSG
14650	6.8	43	Trần Lê Nhã	Vy	x	7,1	Đạt	Tốt	
14635	6.8	44	Phó Thanh	Vy	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
14657	6.8	45	Trần Ngọc Như	Ý	x	8,9	Tốt	Tốt	HSXS
14672	6.8	46	Lê Phương Như	Ý	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
14203	6.11	1	Trần Ngọc Kim	Anh	x	7,3	Khá	Tốt	
14185	6.11	2	Phạm Mai	Anh	x	8	Tốt	Tốt	HSG
14224	6.11	3	Lâm Gia	Bảo		8,4	Tốt	Tốt	HSG
14206	6.11	4	Ngô Thiệu	Bảo		7,8	Khá	Tốt	
14246	6.11	5	Bùi Trần Ngọc	Duyên	x	8,2	Khá	Tốt	
14251	6.11	6	Phó Mỹ	Đình	x	7,8	Khá	Tốt	
14267	6.11	7	Hồ Mỹ Khánh	Đoan	x	5,8	Đạt	Tốt	
14274	6.11	8	Trương Lê Minh Nhật	Hoàng		8,5	Tốt	Tốt	HSG
14289	6.11	9	Võ Duy	Huynh		8,2	Khá	Tốt	
14298	6.11	10	Đỗ Trung	Hung		6	Đạt	Tốt	
14324	6.11	11	Nguyễn Phước	Kiệt		8,4	Tốt	Tốt	HSG
14305	6.11	12	Lê Duy	Khánh		8,5	Tốt	Tốt	HSG
14327	6.11	13	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
14345	6.11	14	Lê Nguyễn Thiên	Lam	x	8,1	Tốt	Tốt	HSG
14350	6.11	15	Nhan Gia	Linh	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
14366	6.11	16	Lê Vũ Đức	Long		6,3	Đạt	Khá	
14371	6.11	17	Trần Minh	Long		7,3	Khá	Khá	
14388	6.11	18	Nguyễn Thị Kim	Mai	x	7,7	Khá	Tốt	
14393	6.11	19	Trần Huỳnh Hoàng	Nam		8,4	Tốt	Tốt	HSG
14410	6.11	20	Lê Hoàng Tuyết	Nghi	x	7,3	Khá	Tốt	
14423	6.11	21	Hà Hoàng Gia	Nghĩa		7,4	Khá	Tốt	
14424	6.11	22	Nguyễn Ngọc Đông	Nhi	x	7,1	Khá	Tốt	
14444	6.11	23	Đình Hoàng Uyên	Nhi	x	8,1	Khá	Tốt	
14447	6.11	24	Huỳnh Gia	Phát		8,4	Tốt	Tốt	HSG
14466	6.11	25	Tường Thành	Phát		7,9	Khá	Tốt	
14469	6.11	26	Mã Kim	Phụng	x	8	Khá	Tốt	
14487	6.11	27	Nguyễn Phúc	Quân		8,6	Tốt	Tốt	HSG
14570	6.8	28	Nguyễn Minh	Tiến		5,6	Đạt	Đạt	
14545	6.11	29	Quách Gia	Toàn		6,7	Đạt	Tốt	
14542	6.11	30	Nguyễn Võ Minh	Toàn		5,9	Đạt	Tốt	
14590	6.11	31	Lê Anh	Tuấn		7,4	Khá	Tốt	
14607	6.11	32	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyền	x	7,6	Khá	Tốt	
14490	6.11	33	Hoàng Nhật	Thiên		7,3	Khá	Tốt	
14508	6.11	34	Hồng	Thịnh		8	Khá	Tốt	
14513	6.11	35	Tăng Gia	Thuận		7,3	Khá	Tốt	
14530	6.11	36	Lê Hoàng Anh	Thư	x	7,7	Khá	Tốt	
14564	6.11	37	Lê Minh	Trang	x	8,2	Khá	Tốt	
14567	6.11	38	Lê Thị Phương	Trân	x	7,1	Khá	Tốt	
14586	6.11	39	Nguyễn Kiến	Trung		9	Tốt	Tốt	HSG
14612	6.11	40	Lâm Gia	Vinh		6,8	Đạt	Khá	
14661	6.11	41	Nguyễn Thị Bảo	Vy	x	6,3	Đạt	Tốt	
14668	6.11	42	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	x	6,3	Đạt	Tốt	
14646	6.11	43	Trần Nhật	Vy	x	8,2	Tốt	Tốt	HSG
14630	6.11	44	Hoàng Đình Tường	Vy	x	7,3	Khá	Tốt	
14633	6.11	45	Ngô Ngọc Tường	Vy	x	6,8	Đạt	Tốt	
15714	6.11	46	Trần Như	Ý	x	7,8	Khá	Tốt	
14681	6.11	47	Hồ Tâm	Ý	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS